

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH  
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 7**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng, hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Quyết định số 765/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu sử dụng ngân sách nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực nội vụ;*

*Xét Tờ trình số 5103/TTr-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (đính kèm Danh mục).

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X - kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022./. *KW*

**Nơi nhận:**

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ, Tài chính;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực IX;
- TT.TU, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở: Nội vụ, Tài chính;
- TT.HĐND, UBND cấp huyện.
- Hội đồng PBGDPL - Sở Tư pháp;
- Đài PT-TH, Báo Trà Vinh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

**CHỦ TỊCH**



**Kim Ngọc Thái**





**DANH MỤC**  
**DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**  
**THUỘC LĨNH VỰC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC,**  
**VIÊN CHỨC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH**

*(Kèm theo Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)*

STT	DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THUỘC LĨNH VỰC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC
<b>1</b>	<b>Dịch vụ đào tạo cán bộ, công chức, viên chức</b>
1.1	Đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học đối với cán bộ, công chức, viên chức (kể cả cán bộ, công chức cấp xã).
1.2	Đào tạo trình độ sau đại học đối với cán bộ, công chức, viên chức (kể cả cán bộ, công chức cấp xã).
<b>2</b>	<b>Dịch vụ bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức</b>
2.1	Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch công chức.
2.2	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức.
2.3	Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu của vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý.
2.4	Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo tiêu chuẩn chức vụ, chức danh cán bộ, công chức cấp xã.
2.5	Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ ngành, lĩnh vực; kiến thức hội nhập quốc tế.
2.6	Bồi dưỡng Lý luận chính trị.
2.7	Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh.
2.8	Bồi dưỡng ngoại ngữ.
2.9	Bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số.
2.10	Bồi dưỡng tin học.
2.11	Bồi dưỡng đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã.

KV